

HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NISSHO IWAI TẠI VIỆT NAM

JUNICHI ITOH

Tổng giám đốc văn phòng đại diện Nissho Iwai tại TP. Hồ Chí Minh

Ảnh HÒA TẤN



I. VAI NET VỀ CÔNG TY NISSHO IWAI

Nissho Iwai là 1 trong 9 công ty thương mại tổng hợp (Sogo Shosha) lớn nhất của Nhật Bản, có 47 văn phòng ở trong nước (Nhật) và 157 văn phòng ở nước ngoài, với 7.000 nhân viên. Nissho Iwai hoạt động trong các ngành hóa dầu, nguyên liệu, năng lượng, hải sản, may mặc... Doanh số năm 1992 là 85 tỷ USD.

Trong thế chiến thứ II, nước Nhật bại trận chẳng còn gì cả, thiếu thốn mọi thứ tài nguyên cho sản xuất, nhất là dầu thô, quặng sắt, thép, bauxite... Để có tài nguyên này, Nhật mở rộng mậu dịch với nước ngoài, đó là hướng duy nhất để Nhật tồn tại và phát triển. Muốn vậy, Nhật phải đầu tư vào các nước mà Nhật mua nguyên liệu bằng cách phải đưa ra các kỹ thuật mới, sản xuất mặt hàng tốt hơn để xuất sang các nước đó, đổi lại Nhật sẽ mua được tài nguyên, nguyên liệu cần cho sự phát triển của đất nước mình. Các công ty thương mại tổng hợp của Nhật đóng góp rất lớn vào quá trình này, trong đó có công ty Nissho Iwai.

II. NISSHO IWAI VỚI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

Bất kể một nước có tài nguyên nhiều hay ít thế nào, nó cũng không hy vọng tự tồn tại và thịnh vượng mà không có những liên kết với các nơi trên thế giới. Các CTy thương mại tổng hợp của Nhật tự xem mình như người

hỗ trợ trong tiến trình liên kết này. Các nước đang phát triển cần có sự hỗ trợ tài chính và thiện chí của các tổ chức quốc tế như IMF, ADB, WB và các ngân hàng khác trên thế giới.

Nissho Iwai đã sử dụng rộng rãi khả năng tổ chức không những chỉ với các nhà sản xuất Nhật Bản mà với cả các nhà sản xuất ở các quốc gia khác trong việc hỗ trợ các nước đang phát triển. Các dự án được thực hiện qua các chương trình ODA (Official Development Agency = cơ quan tài trợ phát triển của nhà nước), các dự án liên doanh và mậu dịch lưỡng lợi để tạo thêm công ăn việc làm, gia tăng sản lượng, tăng ngoại tệ và phát triển các ngành kinh tế lẫn công nghiệp của họ.

Hiện nay Nissho Iwai đang đầu tư vào một số nước điển hình như sau:

- Ở Indonesia: khai thác khí thiên nhiên hóa lỏng.
- Ở Malaysia và đảo Papua New Guinea thành lập đồn điền.
- Ở Brazil: khai thác quặng sắt.
- Ở Trung Quốc: có dự án tạo chất hỗn hợp giữa than và nước để sử dụng như hơi đốt, cung cấp năng lượng.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA NISSHO IWAI TẠI VIỆT NAM

1. Kinh nghiệm phát triển kinh tế của các nước châu Á đối với VN

Châu Á hiện nay được gọi là trung tâm của sự tăng trưởng kinh tế của cả thế giới. Tuy nhiên quá trình phát triển này không đồng bộ do các yếu tố

về lịch sử, xã hội chính trị, tôn giáo, mỗi nước tác động không ít vào cơ cấu kinh tế của nước đó, điều này nên sự khác biệt trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường tại nước.

Nếu chỉ xét về mặt kinh tế, Việt Nam đã hình thành trong một thời gian dài một hình thái kinh tế đặc thù gồm có kinh tế thực dân, kinh tế chiến tranh, kinh tế kế hoạch, kinh tế viện trợ. Đồng thời cũng trong thời gian đó, nhiều nước châu Á khác nều cũng đã gặp những tình huống tương tự nhưng đã du nhập được nền kinh tế thị trường phù hợp với nước mình.

Có một số nước ở châu Á đã có trường là việc phát triển công nghệ nặng sẽ dẫn đến sự phát triển kinh tế và giúp nâng cao mức sống của nhân dân, các nước này đã đầu tư những tiền khổng lồ vào các dự án lớn theo định hướng của chính phủ. Tuy nhiên đã có trường hợp là mặc dù làm được như sự mong đợi, trái lại đã làm cho các nước này bị mắc nợ. Chính phủ đã tiếp thu kinh nghiệm này và đã tiến hành kinh tế thị trường. Điều này làm tăng thêm đầu tư từ bên ngoài vào VN, đã tạo ra được nhiều cơ hội làm cho nhân dân, kết quả là nền kinh tế có thêm điều kiện thuận lợi để phát triển.

Đối với các hoạt động kinh tế không thể thiếu được 3 yếu tố là con người, hàng hóa và tiền tệ. Nếu mà chính phủ có thể chuẩn bị được hàng hóa và tiền tệ nữa nhưng nếu quên yếu tố con người thì không thể phát triển kinh tế được. Con người có thể tạo ra hàng hóa và tiền bạc. Đây là nguyên nhân rất giản đơn nhưng áp dụng được và thực tiễn không phải là điều dễ dàng.

Nhật Bản đã ra sức để làm tăng sức mạnh kinh tế của nông dân, nỗ lực sức mua của người nông dân được nâng cao và điều này đã đóng góp phần quan trọng vào việc làm cho nền kinh tế của Nhật Bản phát triển. Người dân VN chiếm 70-80% dân số cả nước cho nên có thể nghĩ là việc nâng cao mức sống người nông dân là con đường ngắn nhất để làm cho nền kinh tế phát triển hơn là dồn sức tập trung đầu tư vào các dự án lớn nhằm nhanh chóng công nghiệp hóa.

2. Những điều tương đồng về xã hội giữa VN và Nhật Bản

VN có thể nói là một trong số các nước ít ỏi còn giữ được phần nào tinh thần Nho giáo và đại đa số dân chúng theo đạo Phật. Yếu tố tinh thần này có mức độ có thể khác nhau nhưng đều được thể hiện qua hành động của người VN cũng như Nhật Bản.

Nét đặc thù nhất của điểm tương đồng giữa hai dân tộc là tinh thần tôn trọng chữ tín trong việc kinh doanh. Chữ tín được thể hiện qua lòng tin

rõ ràng vào tinh thần hợp tác giữa các
sĩ tác trong kinh doanh hơn là các
lưu khoản cứng nhắc trong hợp đồng.
Giải quyết các tranh chấp thường được
thực hiện trên tinh thần hòa giải hơn
pháp luật. Đây cũng là điểm rất gần
gũi với suy nghĩ của người Nhật.

Hiện nay, VN với chính sách mở
rộng ngoại giao với tất cả các nước,
quan hệ buôn bán với các nước phương
tây rất nhiều nhưng không vì thế mà
"Tây hóa" tức là cố chấp vào văn bản
hợp đồng mà thiếu đi sự mềm dẻo. Việc
quan hệ buôn bán dựa trên sự tin cậy
quan tâm đến những giao ước bằng
ngoài hợp đồng là điều rất gần gũi
với phong cách buôn bán làm ăn của
người Nhật. Có thể sự gần gũi này sẽ
mở cho mối quan hệ của các công ty
ở nước sẽ được mở rộng một cách
tự nhiên.

**Nguồn lao động có chất lượng cao và
mạnh mẽ sẽ phát huy nền kinh tế thị
trường**

Nền kinh tế thị trường phát huy
được chức năng của nó khi các cá
nhân có tinh thần sáng tạo, cần cù chịu
sức, có ý thức cạnh tranh, biết cầu
cần, có tinh thần trách nhiệm có ý
thức hạch toán và tôn trọng lời hứa...

Đổi mới người VN, trong xã hội đã
nhận thành một cách tự nhiên các yếu
này, và nhà nước không cần phải tốn
ng sức cưỡng bách giáo dục điều này.

Có thể lấy ví dụ là khi giáo dục kỹ thuật
công nhân cho một cơ sở sản xuất, nếu
xét về khả năng người công nhân có
chịu khó chuẩn bị trước công việc hay
không hoặc trước khi rời nhà máy về
người công nhân có thu xếp trước cho
công việc ngày hôm sau không: tức là
về mặt đạo đức lao động những điều
không có ghi trong các tài liệu hướng
dẫn lao động thì người công nhân VN
đã mang sẵn những đức tính này. Đây
là sự khác biệt lớn so với các nước khác.
Tài nguyên về con người của VN là
nguồn của cải to lớn của đất nước. Các
nước khác phải tốn rất nhiều tiền và
chắc phải tốn nhiều thời gian để giáo
dục mới được như thế.

Cho nên, cách làm kinh tế của VN
không thể giống như các nước có tài
nguyên khác tức là chỉ bán các tài
nguyên tự nhiên mà nên làm giống như
Nhật Bản tức là vận doanh kinh tế làm
sao để có thể phát huy toàn diện được
sức mạnh của nhân dân và dựa vào đó
để phát triển kinh tế.

4. Triển vọng của NISSHO IWAI tại Việt Nam

Nissho Iwai lập văn phòng đại
diện tại VN khi nước này đang trong
bước đầu của thời kỳ đổi mới (1986),
lúc đó bầu không khí quan hệ chính trị
thế giới chưa tốt nên Nissho Iwai bị
trách móc than phiền của nhiều nước
là tại sao giúp VN. Bây giờ tình hình đã

thay đổi nên các nước đều muốn làm
ăn với VN.

Hiện nay Nissho Iwai hoạt động
tại VN trên các lĩnh vực: buôn bán, tiếp
thị, lập dự án, tổ chức, tài trợ, phân
phối và đầu tư, qua đó đồng thời
chuyển giao những kỹ thuật mới của
nước ngoài vào VN.

Trong năm 1992, kim ngạch mậu
dịch Việt-Nhật là 1.300 triệu USD
trong đó Nissho Iwai chiếm gần 25%.
Gần đây, Nissho Iwai đã tiến hành
khảo sát thị trường để đầu tư vào VN,
có thể liệt kê một vài dự án sau:

- Liên doanh xí nghiệp lắp ráp tivi JVC
- Liên doanh xí nghiệp lắp ráp xe hơi và xe gắn máy
- Sản xuất vỏ xe và cao su
- Xí nghiệp lọc dầu
- Liên doanh xí nghiệp dệt
- Và nhiều dự án thành lập nhà máy sản xuất đầu nhồi, khí hóa lỏng, sơn, chất tẩy rửa, phân bón, xây dựng cơ sở hạ tầng... đang ở giai đoạn khảo sát thị trường để đi đến quyết định sau cùng.

Với sự đổi thay mạnh mẽ ở VN, chắc chắn trong vài năm tới các công ty Nhật Bản, trong đó có Nissho Iwai sẽ có đóng góp quan trọng trong việc phát triển kinh tế Việt Nam. Điều này sẽ có lợi cho 2 nước Việt Nam và Nhật Bản ♣

NGUYÊN THUẬT NGỮ KINH TẾ

CƠ SỞ HẠ TẦNG & KIẾN TRÚC THƯỢNG TẦNG

1. Hai thuật ngữ này thuộc phạm trù kinh tế - triết học mác-xít. Do đó, các từ điển của phương Tây khi giải thích luôn luôn ghi rõ nguồn gốc hai từ này là *Marxist theory*.

2. *Cơ sở hạ tầng* và *kiến trúc thượng tầng* (*infrastructure, superstructure*) là cách nói thuần Việt, theo từ tự danh từ + tính từ. Tuy nhiên, trong một số sách, đôi khi có tác giả viết là *hạ tầng cơ sở* và *thượng tầng kiến trúc*, là cách nói theo cấu trúc tiếng Hán-Việt, theo thứ tự là tính từ + danh từ.

3. Về từ nguyên, *infra* có đối nghĩa là *supra*. Trong từ *La tinh*, *infra* nghĩa là ở phía dưới, nằm bên dưới (*below*). Ngược lại, *supra* là ở phía trên, nằm bên trên (*above*). Trong từ gốc *La tinh*, *supra* có nghĩa là ở bên trên (*above*), vượt lên khỏi (*beyond*), và tương đương với từ *super* trong tiếng Anh. Điều lưu ý là trong tiếng Anh, hầu như không thấy phổ biến thuật ngữ *superstructure* mà thường dùng từ *superstructure*. Dịch *super* hay *supra* là *thượng* thì thích đáng.

Trong từ gốc *La tinh*, *supra* có nghĩa là ở bên trên (*above*), vượt lên khỏi (*beyond*), và tương đương với từ *super* trong tiếng Anh. Điều lưu ý là trong tiếng Anh, hầu như không thấy phổ biến thuật ngữ *superstructure* mà thường dùng từ *superstructure*. Dịch *super* hay *supra* là *thượng* thì thích đáng.

4. *Structure* do tiếng *La tinh* *structura*, xuất phát từ động từ *struere* có nghĩa là xây dựng, xây cất (*to construct*). Do dịch *structure* là *kiến trúc* (*something constructed*) như thuật ngữ *kiến trúc thượng tầng* thì rất chính xác.

Nhưng tại sao không dịch *infrastructure* là *kiến trúc hạ tầng* mà dịch là *cơ sở hạ tầng*?

5. *American Heritage Illustrated Encyclopedia* (1987, tr.865) định nghĩa (nghĩa căn bản): *An underlying base or supporting structure*, tức là nền móng, tầng đỡ nâng, một kiến trúc dùng để nâng đỡ (cho kiến trúc khác). Chính do có ý nghĩa này mà đã xuất phát cách dịch *structure* là *cơ sở*.

Trong chữ Hán, cơ là cái nền (*base, foundation*). Sở là tầng đá dùng kê dưới chân cột (*plinth, base of a pillar*). Ghép hai nghĩa này lại, cơ sở có nghĩa là nền tảng, nền móng (*foundation*). Như vậy nói cơ hay cơ sở cũng đồng nghĩa. (*Mathews' Chinese-English Dictionary*, 1971, tr. 52-196, mục từ 399 và 1395.)

6. Vậy dịch *infrastructure* là *cơ sở hạ tầng* để ngụ ý nói cái tương quan với *superstructure*, như được định nghĩa trong Từ điển triết học, nhà xuất bản Tiến bộ và Sự thật (1986):

- Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng - những khái niệm vạch rõ mối quan hệ giữa những quan hệ kinh tế xã hội với tất cả những mối quan hệ khác của một xã hội nhất định. Cơ sở hạ tầng là toàn bộ những quan hệ sản xuất tạo thành cơ cấu kinh tế của xã hội. (tr.112)

- Khái niệm cơ sở hạ tầng liên quan đến khái niệm kiến trúc thượng tầng. Kiến trúc thượng tầng bao hàm tư tưởng, tổ chức và thiết kế. Tư tưởng kiến trúc thượng tầng bao gồm những quan điểm chính trị, pháp luật, đạo đức, mỹ học, tôn giáo, triết học, gọi một cách khác là những hình thái ý thức xã hội. (tr.112)

- Những quan hệ kiến trúc thượng tầng bao hàm quan hệ tư tưởng (Hệ tư tưởng). (tr.112)

- Một hình thái kinh tế-xã hội có một cơ sở hạ tầng nhất định và một kiến trúc thượng tầng tương ứng với cơ sở đó. (tr.113)

- Kiến trúc hạ tầng là sản phẩm của cơ sở hạ tầng kinh tế và phản ánh cơ sở hạ tầng kinh tế, nhưng nó không phải là một cái gì thụ động, tiêu cực. Nó đóng một vai trò tích cực trong quá trình lịch sử, tác động đến mọi mặt của quá trình đó trong đó có cả nền kinh tế đã sản sinh ra nó. (tr.113) ♣

LÊ ANH DUNG

Trung tâm Ngoại ngữ
ĐHKT TP.HCM